

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/DS-ST

Ngày: 12-12-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 173/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1980; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Q, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978; Nơi thường trú: Ấp LP2, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Ấp LT, xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M trình bày: Vào tháng 3 năm 2024, bà và bà Lê Thị Q thỏa thuận miệng với nhau về việc mua bán cá lóc thịt với giá 37.000 đồng/kg. Hình thức mua bán và phương thức thanh toán như sau: Bắt cá lóc thịt trực tiếp tại ao nuôi địa chỉ ấp Phú Lợi B, xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, trả tiền ngay sau khi cân cá xong cho một chuyến xe tải (thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản).

Việc mua bán được diễn ra vào các ngày 28, 29 tháng 3 và ngày 01 tháng 4 năm 2024 (âm lịch) gồm: Cá lóc thịt là 11.342kg x giá 37.000 đồng/kg = 419.654.000 đồng; Cá gù 590kg x giá 30.000 đồng/kg = 17.700.000 đồng; Cá si đa (cá đặc) 369kg x giá 22.000 đồng/kg = 8.118.000 đồng, tổng cộng, bà Q số tiền mua cá 445.472.000 đồng.

Bà Q trả tiền cho bà 03 lần bằng hình thức đưa tiền mặt 01 lần và chuyển khoản cho đại lý thức ăn mà bà lấy thức ăn chăn nuôi 02, tổng số tiền bà Q trả cho bà là 415.472.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện nay, bà Q còn nợ bà số tiền mua cá thịt là 30.000.000 đồng.

Bà nhiều lần yêu cầu bà Q yêu cầu trả tiền mua cá lóc thịt cho bà, nhưng bà Q hứa hẹn hết lần này đến lần khác, không trả tiền cho bà. Nay bà yêu cầu bà Lê Thị Q trả cho bà tiền mua cá lóc thịt còn nợ gốc 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lê Thị Q trình bày: Giữa bà và bà Nguyễn Thị Thanh M đã mua bán cá nhiều lần với nhau. Cách đây khoảng 01 đến 02 tháng, bà có hợp đồng mua cá lóc của bà M với số lượng 02 vèo, khoảng 35 tấn, thỏa thuận giá 37.000 đồng/kg, thỏa thuận bắt vèo đầu tiên được số lượng cá lóc thịt là 11.342kg x giá 37.000đ/kg = 419.654.000 đồng; cá gù 590kg x giá 30.000đ/kg = 17.700.000 đồng; cá si đa (cá đặc) 369kg x giá 22.000đ/kg = 8.118.000 đồng. Việc trả tiền cho bà M được thực hiện nhiều lần bằng hình thức đưa tiền mặt cho bà M và chuyển khoản cho đại lý thức ăn.

Do bà còn bắt cá ở hầm khác bên Long Khánh với số lượng nhiều hơn, nên bà M nói với bà là bắt xong đi rồi hãy quay lại bắt vèo còn lại. Sau đó, bà liên hệ bà M để bắt vèo còn lại, nhưng bà M nói còn thức ăn nên để cho cá ăn hết rồi hãy

bắt luôn. Nhưng sau đó, do cá lên giá 43.000 đồng/kg, cho nên bà M đã bán vèo còn lại cho bà Yến, mà không thông báo gì cho bà hết. Nay vì đã thoả thuận bắt 02 vèo nhưng bà M đã bán vèo cá còn đã gây thiệt hại cho bà, làm bà không có cá để giao, nên bà M phải bồi thường lại cho bà số tiền 120.000.000 đồng, còn bà sẽ trả lại cho bà M 30.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Q trả cho bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền mua cá còn nợ là 30.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Thanh M khởi kiện bà Lê Thị Q trả số tiền mua cá còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản, bị đơn Lê Thị Q đang cư trú tại xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, vì vậy theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

[1.2] Bị đơn bà Lê Thị Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị Q.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc bà Lê Thị Q và bà Nguyễn Thị Thanh M mua bán cá với nhau là có thật, được thể hiện qua sự thừa nhận của bà Lê Thị Q, cũng như việc bà Q thừa nhận đã thanh toán tiền mua cá cho bà M nhiều lần bằng hình thức đưa tiền mặt cho bà M và chuyển khoản cho đại lý thức ăn, còn nợ lại bà M số tiền 30.000.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh do các đương sự đều thừa nhận theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với việc bà Lê Thị Q trình bày bà Nguyễn Thị Thanh M phải bồi thường lại cho bà số tiền 120.000.000 đồng thì bà mới trả số tiền còn nợ 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án đã thông báo cho bà Lê Thị Q biết nếu có yêu cầu giải quyết thì bà phải làm đơn yêu cầu phản tố, nhưng bà không làm đơn theo nội dung bà trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, nếu bà có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về lãi suất: Các đương sự không có tranh chấp và không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Qua ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận”; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, bị đơn chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 30.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thanh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 91, 92, 144, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh M, buộc bà Lê Thị Q trả số tiền mua cá còn nợ là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng cho bà Nguyễn Thị Thanh M.

2. Về án phí:

2.1. Bà Lê Thị Q phải chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Thị Thanh M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0006259 ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng